

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
HUYỆN TÂY SƠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 247/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2024

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Trí.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Văn Trị

Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Kim Châu Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh **Châu Minh T**, sinh năm 1991

Trú tại: **Thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định**. (Có mặt).

*Bị đơn:* Chị **Vũ Thị T1**, sinh năm 1992

Trú tại: **Thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định**. (Vắng mặt lần 2 không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh **Châu Minh T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng quen biết nhau, tự tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Được gia đình hai bên chấp nhận nên tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại **UBND xã B, huyện T** vào ngày 24/10/2016. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 7 năm sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: Chị **T1** thường xuyên đi chơi cờ bạc, không lo làm ăn, không chăm lo cho hạnh phúc gia đình. Anh **T** nhiều lần khuyên ngăn nhưng chị **T1** vẫn chứng nào tật nấy. Nay tình cảm vợ chồng không còn

thương yêu nhau nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã trầm trọng, không hàn gắn được. Vợ chồng thực sự cắt đứt quan hệ, phần ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau từ đầu tháng 5/2024 cho đến nay nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị **Vũ Thị T1**

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên **Châu Vũ Ánh T2**, sinh năm 15/9/2016. Hiện con chung đang sống với anh **T**. Khi ly hôn, anh **T** yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung đến trưởng thành, không yêu cầu chị **T1** cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.  
Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị **Vũ thị T1** vắng mặt không có lý do.

Về các thủ tục giải quyết ly hôn đã được Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc về việc anh **T** xin ly hôn, nhưng chị **Vũ Thị T1** đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản hoặc quan điểm gửi Tòa án, vì vậy Tòa án không biết quan điểm của chị **T1** về những nội dung anh **T** yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 21/05/2024, **Công an xã B, huyện T, tỉnh Bình Định** cung cấp: Chị **Vũ Thị T1**, sinh năm 1992 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **đội G, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định** theo số hộ khẩu của anh **Châu Minh T**.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn chị **Vũ Thị T1** đã được Tòa án tổng đạt họp lệ mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị **T1**. Về nội dung: Áp dụng Điều 51, 56 và 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Châu Minh T**, cho anh **Châu Minh T** được ly hôn với chị **Vũ Thị T1**. Về con chung: Giao cháu **Châu Vũ Ánh T2**, sinh ngày 15/9/2016 cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu **T2**; chị **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con, vì anh **T** không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; Về án phí anh **T** phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn chị **Vũ Thị T1** đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên theo quy định tại Điều 227, 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Châu Minh T** và chị **Vũ Thị T1** có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bình Định** vào ngày 24/10/2016 đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau kết hôn, vợ chồng chung sống được 7 năm sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh **T** khai: Chị **T1** thường xuyên đi chơi cờ bạc, không lo làm ăn, không chăm lo cho hạnh phúc gia đình. Anh **T** nhiều lần khuyên ngăn nhưng chị **T1** vẫn chứng nào tật nấy. Nay tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã trầm trọng, không hàn gắn được sống. Chị **T1** không quan tâm lo lắng gì cho vợ, phần ai nấy sống, vợ chồng ly thân từ tháng 05/2024 cho đến nay nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng chị **T1** không đến Tòa, vẫn bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình.

Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tại biên bản xác minh ngày 06/8/2024 của **UBND xã B**, nguyên nhân tình trạng hôn nhân, con chung của anh **T**, chị **T1** địa phương không nắm rõ. Việc chị **T1** không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gửi đến Tòa án chứng tỏ chị **T1** không có trách nhiệm với hôn nhân của chính mình. Tình trạng hôn nhân giữa anh **T**, chị **T1** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **T**, cho anh **T** được ly hôn chị **T1**.

[3] Về con chung: Anh **T** và chị **T1** có 01 con chung tên **Châu Vũ Ánh T2**, giới tính: Nữ, sinh ngày 15/9/2016. Con chung khi nay ở với anh **T**, chị **T1** không quan tâm đến con, không có trách nhiệm gì với con. Xét nguyện vọng con chung muốn sống chung với anh **T**. Vì vậy giao con chung **Châu Vũ Ánh T2** cho anh **T** được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, anh **T** nhận trách nhiệm nuôi con chung và không yêu cầu chị **T1** cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của anh **T** nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh **Châu Minh T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, anh **Châu Minh T** phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003638 ngày 16/05/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

[6] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tại phiên toà là phù hợp với nhận định của HĐXX.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Châu Minh T** được ly hôn với chị **Vũ Thị T1**.
2. Về con chung: Giao cháu **Châu Vũ Ánh T2**, giới tính: Nữ, sinh ngày 15/9/2016 cho anh **Châu Minh T** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Châu Minh T** không yêu cầu nên không xét.

Chị **Vũ Thị T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh **Châu Minh T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh **Châu Minh T** phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003638 ngày 16/05/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn. Anh **T** đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao nhận hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Minh Trí**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

